ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
Số: 01 /QĐ-UBND	*Bắc Ninh, ngày 03 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Phúc Ninh tại phường Võ Cường và phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD; Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCXDVN 07:2016/BXD về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-TTg ngày 20/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định 369/QĐ-UBND ngày 23/07/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt quy hoạch Phân khu số 15 (Thị Cầu - Vũ Ninh - Suối Hoa - Kinh Bắc - Tiền An - Vệ An - Ninh Xá - Đại Phúc - Võ Cường), thành phố Bắc Ninh (viết tắt là Đồ án QHPK số 15);

Căn cứ các Văn bản của UBND tỉnh Bắc Ninh: Số 1046/CN-XDCB-CT ngày 5/9/2003 về việc dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị Phúc Ninh, thị xã Bắc Ninh; số 1452/CN.XDCB-CT ngày 20/10/2004 về việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Phúc Ninh; số 260/UBND-CN ngày 3/3/2008 về việc đầu tư xây dựng khu dịch vụ thể thao tại thành phố Bắc Ninh; số 4107/UBND-XDCB ngày 27/11/2020 về việc dự án khu đô thị mới Phúc Ninh; số 46/TB-UBND thông báo kết luận tại phiên họp giao ban giữa Chủ tịch và các Phó chủ tịch UBND tỉnh ngày 24/03/2025; số 1807/UBND-

XDCB ngày 29/04/2025 về việc thực hiện dự án Khu đô thị mới Phúc Ninh; số 2252/UBND-XDCB ngày 9/9/2025 về việc chủ trương điều chỉnh QHCT Khu đô thị mới Phúc Ninh tỉnh Bắc Ninh;

Xét Báo cáo thẩm định số 262/BCTĐ-SXD ngày 04/12/2025 của Sở Xây dựng về Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Phúc Ninh tại phường Võ Cường và phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh; ý kiến thống nhất của các Sở, ngành tại cuộc họp ngày 19/12/2025 và ngày 26/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Phúc Ninh tại phường Võ Cường và phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh với những nội dung chính như sau:

1. Sự cần thiết lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết

- Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Phúc Ninh đã được UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 24/4/2009. Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Phúc Ninh đã được Sở Xây Dựng Bắc Ninh phê duyệt tại Quyết định số 258/QĐ-SXD ngày 24/11/2009 và được cho phép cập nhập điều chỉnh hoán đổi vị trí khu cây xanh (ký hiệu CX-34) với khu đất ở (ký hiệu BT34 và BT33) và vi chỉnh một số nội dung hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Phúc Ninh tại văn bản số 1144/SXD-QH ngày 31/08/2017. Đến nay đã đến kỳ rà soát quy hoạch theo Khoản 2, Điều 43, Luật Quy hoạch Đô thị và Nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc Hội: "Thời hạn rà soát định kỳ quy hoạch đô thị và nông thôn là 05 năm kể từ ngày quy hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt..".

- Dự án thuộc điều kiện điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều 45 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024, với lý do sau:

+ Dự án Khu đô thị mới Phúc Ninh nằm trong phạm vi Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 728/QĐ-TTg ngày 20/6/2023 và Đồ án QHPK số 15 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 23/7/2024.

+ Cập nhật hiện trạng, địa giới hành chính, điều chỉnh ranh giới, quy mô diện tích đất dự án theo các quyết định thu hồi đất, giao đất của UBND tỉnh để thực hiện các dự án khác ngoài ranh giới khu đô thị và hồ sơ địa chính mới của dự án.

+ Rà soát, điều chỉnh quy hoạch chi tiết theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 1118/UBND-XDCB ngày 07/08/2025, làm cơ sở lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án Khu đô thị mới Phúc Ninh theo quy định pháp luật.

- Do đó, việc điều chỉnh QHCT Khu đô thị mới Phúc Ninh là cần thiết và đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 45 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định pháp luật liên quan.

2. Các nội dung điều chỉnh quy hoạch chủ yếu:

- Điều chỉnh, cập nhật, cụ thể hóa các thông số, chỉ tiêu quy hoạch, cơ cấu sử dụng đất ở trên cơ sở Đồ án QHPK số 15; hồ sơ giao đất, bản đồ địa chính được duyệt và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Điều chỉnh ranh giới, quy mô, diện tích đất dự án khu đô thị theo các quyết định thu hồi đất, giao đất, phê duyệt mục đích sử dụng đất của UBND tỉnh. Diện tích dự án khu đô thị còn lại khoảng 114,55ha (giảm 15.891,1m2).

- Điều chỉnh ranh giới, chỉ giới các tuyến đường giao thông đối ngoại; cập nhập hiện trạng khu dân cư khu 3 phường Vũ Ninh; bổ sung địa giới hành chính khu Đạo Chân, phường Vũ Ninh; cập nhật, chỉnh lý tên, địa giới đơn vị hành chính các phường mới sau sáp nhập.

- Điều chỉnh, bổ sung thiết kế đô thị, thiết kế mẫu nhà, công trình xây dựng trong khu quy hoạch đảm bảo chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô điều chỉnh quy hoạch

a) Vị trí, phạm vi, ranh giới điều chỉnh quy hoạch:

Dự án Khu đô thị mới Phúc Ninh nằm trên địa bàn phường Võ Cường và phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Ranh giới như sau:

- Phía bắc giáp khu dân cư dịch vụ Thị Cầu, đồi Búp Lê.

- Phía nam giáp Quốc lộ 18 và đường Trần Hưng Đạo.

- Phía tây giáp đường Đấu Mã và khu dân cư dịch vụ khu Phương Vỹ, Thanh Sơn, phường Vũ Ninh.

- Phía đông giáp đường gom Quốc lộ 1A.

b) Quy mô quy hoạch:

- Quy mô diện tích đất khoảng 114,55ha.

- Quy mô dân số dự kiến khoảng 14.414 người.

(Ranh giới, diện tích, quy mô dân số sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết, tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và các quy định pháp luật, phù hợp Đồ án QHPK số 15).

4. Tính chất, chức năng

a) Tính chất: Khu đô thị mới kết hợp trung tâm thương mại dịch vụ được đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; khu dịch vụ, vui chơi giải trí hiện đại của khu vực.

b) Chức năng chủ yếu:

- Khu trung tâm thương mại, dịch vụ, khách sạn và văn phòng; Khu nhà ở (các loại hình nhà ở thấp tầng, chung cư cao tầng..); Khu hỗn hợp có ở, thương mại dịch vụ;

- Hệ thống công trình hạ tầng xã hội, các công trình công cộng (văn hóa, giáo dục, y tế ..); hồ điều hòa, công viên, cây xanh, thể dục thể thao, vườn hoa;

- Hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, cấp thoát nước, hạ tầng viễn thông thụ động, thông tin liên lạc trạm bơm, tập kết rác, bãi đỗ xe..).

5. Dự kiến các chỉ tiêu quy hoạch

5.1. Chỉ tiêu sử dụng đất, công trình

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
	Chỉ tiêu sử dụng đất		
1	Đất dân dụng	m2/người	≥ 45
2	Đất đơn vị ở	m2/người	≥ 15
3	Đất công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị	m2/người	(QCVN 01:2021/BXD)
4	Đất cây xanh	m2/người	≥ 2

5.2. Chỉ tiêu công trình công cộng

TT	Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
		Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	**Giáo dục**		
	Trường mầm non	m2/cháu	12
	Trường tiểu học	m2/học sinh	10
	Trường THCS	m2/học sinh	10
2	**Y tế**		
	Trạm y tế	m2/trạm	500
3	**Văn hoá – Thể dục thể thao**		
	Văn hoá	m2/công trình	5.000
	Thể dục thể thao	m2/người	0.5
		ha/ công trình	0.3
4	**Thương mại**	m2/công trình	2.000

5.3. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

STT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đề xuất quy hoạch
1	**Giao thông**			
	- Diện tích đất giao thông (tính đến cấp đường phân khu vực)	%	≥ 18	≥20
	- Bãi đỗ xe *(không bao gồm diện tích đỗ xe tại tầng hầm các công trình)*	m2/người	≥1,5	
	+ Đề xuất xây dựng tầng hầm hoặc cao tầng tại các bãi đỗ xe và tại tầng hầm các công trình cao tầng để tăng diện tích đỗ xe cho khu đô thị *+ Các khu đất xây dựng công trình cao tầng phải tự bố trí đảm bảo đủ chỗ đỗ xe tại dự án công trình*			
2	**Cấp nước**			
	- Nước sinh hoạt	l/ng/ngày đêm	140	
	- Nước công cộng, dịch vụ	%*Qsh	8-10	
	- Nước thất thoát rò rỉ	%*Qsh	<12	
	- Nước chữa cháy	l/s	15	
	- Nước cấp nhà trẻ	l/cháu/ngày đêm	75	
	- Nước cấp trường học	l/ng/ngày đêm	15	
3	**Thoát nước thải và vệ sinh môi trường**			
	Thoát nước thải.	%Qsh	≥80	
	Thu gom chất thải rắn	kg/người - ngày	≥ 1,3	
4	**Cấp điện, thông tin liên lạc**			
	- Điện sinh hoạt	W/người	≥ 700	
	- Điện công cộng, dịch vụ cấp đơn vị ở	% phụ tải điện sinh hoạt	≥40%	
	+ Công trình hỗn hợp	W/m2 sàn	≥ 30	
	+ Công trình dịch vụ công cộng	W/m2 sàn	≥ 30	

	+ Y tế	Kw/giường	1.5	
	+ Giáo dục	W/m2 sàn	≥ 25	
	- Điện chiếu sáng giao thông	kw/ha	≥ 10	
5	**Hạ tầng viễn thông thụ động**			
	+ Thuê bao cố định	thuê bao/100 dân	1,4	
	+ Thuê bao điện thoại di động	thuê bao/100 dân	115,8	
	+ Thuê bao Internet	thuê bao/100 dân	87,3	
	+ Thuê bao truyền hình cáp	thuê bao/100 dân	18,5	

(Ghi chú: Các chỉ tiêu quy hoạch sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết, đảm bảo phù hợp với Đồ án QHPK số 15 và tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn)

6. Các nội dung yêu cầu nghiên cứu quy hoạch

a) Yêu cầu về công tác điều tra, khảo sát đánh giá hiện trạng:

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng đất xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật khu vực dự án.

- Cập nhật Đồ án QHPK số 15, phân tích ưu, nhược điểm, những tồn tại, hạn chế và đề xuất những giải pháp quy hoạch, đảm bảo tính tối ưu, sự thống nhất về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại khu vực.

b) Yêu cầu quy hoạch, kiến trúc:

- Khớp nối quy hoạch với các dự án đã và đang triển khai trong khu vực, đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và không gian kiến trúc cảnh quan.

- Xác định chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực. Tổ chức không gian kiến trúc theo xu hướng hiện đại, hài hòa với khu vực đô thị; kết nối không gian phù hợp giữa khu vực đô thị cũ, khu dân cư hiện hữu, phù hợp theo Quy chuẩn QCVN 01: 2021/BXD và các quy định pháp luật.

- Căn cứ vào phương án tổ chức không gian kiến trúc, các chỉ tiêu quy hoạch và quy mô dân số tương ứng để xác định cơ cấu sử dụng đất hợp lý. Các chức năng sử dụng đất chủ yếu gồm: Đất ở; đất công trình công cộng, dịch vụ, thương mại; đất công viên, cây xanh, mặt nước kết hợp hồ điều hoà tạo cảnh quan; đất giao thông, bãi đỗ xe; đất hạ tầng kỹ thuật,...đảm bảo theo Quy chuẩn QCVN 01: 2021/BXD và các quy định hiện hành.

- Xác định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao, khoảng lùi công trình đối với từng lô đất theo từng tuyến đường phù hợp với QCVN 01: 2021/BXD và Đồ án QHPK số 15 được phê duyệt.

c) Yêu cầu thiết kế đô thị và quy định quản lý

- Thiết kế đô thị theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Quy định quản lý: Xây dựng, đề xuất Quy định quản lý theo quy hoạch để phê duyệt và ban hành kèm theo hồ sơ quy hoạch.

d) Yêu cầu quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Căn cứ Đồ án QHPK số 15 được phê duyệt để cập nhật, đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu quy hoạch, đánh giá hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư xây dựng tại khu quy hoạch đảm bảo sự phù hợp, bao gồm các nội dung sau:

* San nền:

- Xác định cốt san nền đối với từng lô đất.

* Thoát nước mưa:

- Xác định lưu vực thoát nước, mạng lưới thoát nước, nguồn tiếp nhận nước mặt; vị trí, quy mô các công trình đầu mối tiêu thoát chính (nếu có); xác định quy mô, phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với tuyến kênh thoát nước, hệ thống hồ điều hoà trong khu quy hoạch theo quy định.

* Giao thông, bãi đỗ xe, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

- Xác định mạng lưới đường giao thông (kể cả đường đi bộ nếu có), tính toán các chỉ tiêu giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng.

- Xác định và cụ thể hóa quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và các quy hoạch chuyên ngành về vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe (trên cao, trên mặt đất và ngầm) đảm bảo phục vụ nhu cầu giao thông khu vực.

* Cấp nước:

- Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô trạm bơm nước, bể chứa; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật.

* Cấp điện, chiếu sáng, cung cấp năng lượng:

- Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối, mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và chiếu sáng đô thị; vị trí, quy mô các trạm cấp điện, trạm cung cấp năng lượng (nếu có).

* Thông tin liên lạc, viễn thông:

- Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc.

* Rác thải, chất thải rắn, vệ sinh môi trường:

- Xác định lượng nước thải, rác thải, mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải; vị trí xây dựng nhà vệ sinh công cộng (nếu có).

- Xác định quy mô và phân loại, thu gom chất thải rắn, vị trí tập kết chất thải rắn, vị trí bố trí xây dựng nhà vệ sinh công cộng.

* Giải pháp quy hoạch, thiết kế hạ tầng đô thị xanh, đô thị bền vững:

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quy hoạch – thiết kế hạ tầng đô thị xanh, có tính thấm cao; nghiên cứu thí điểm phát triển, sử dụng hệ thống giếng thấm, vật liệu thấm nước và vườn mưa nhằm giảm ngập úng, hướng tới phát triển bền vững.

- Nghiên cứu bố trí hệ thống trạm sạc và trụ sạc cho xe điện (ô tô và xe máy) tại các bãi đỗ xe và khu vực tầng hầm có bố trí đỗ xe của các công trình cao tầng.

e) Quy hoạch không gian ngầm đô thị:

- Xác định vị trí, quy mô, nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian ngầm, công trình ngầm gồm: Công trình công cộng ngầm, công trình xây dựng có bố trí tầng hầm, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật ngầm, công trình giao thông ngầm có bố trí đường ống kỹ thuật ngầm, hào và tuy nen kỹ thuật ngầm;

- Xác định các khu vực không gian ngầm đô thị phải đảm bảo tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng và các quy định hiện hành.

f) Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường:

- Đánh giá hiện trạng môi trường, chất thải rắn, nước thải, khí thải…; phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường.

- Đề xuất các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch; đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch; khuyến khích xử lý nước thải sinh hoạt bằng công nghệ thuần sinh học, xử lý tại nguồn kết hợp cục bộ, nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn A nước mặt để có thể tái sử dụng, chuyển vào hồ điều hoà ngay trong đô thị.

g) Định hướng đô thị thông minh

- Thiết lập mạng lưới cống bể ngầm kỹ thuật dùng chung, đảm bảo khả năng tiếp cận cáp quang tốc độ cao đến 100% các lô đất. Ưu tiên bố trí vị trí lắp đặt các trạm phát sóng nhỏ (Small Cell) tại các cột đèn chiếu sáng công cộng để phủ sóng mạng 5G.

- Tại các khu vực công viên, quảng trường và nút giao thông chính, phải bố trí hạ tầng kỹ thuật (nguồn điện, kết nối mạng) để sẵn sàng lắp đặt hệ thống cảm biến đo lường môi trường (không khí, tiếng ồn) và camera AI giám sát an ninh.

- 100% đèn đường sử dụng công nghệ LED, khuyến khích tích hợp bộ điều khiển thông minh có khả năng điều chỉnh cường độ sáng theo thời gian và mật độ giao thông, kết nối về trung tâm điều hành.

- Khuyến khích lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà tại các công trình công cộng và nhà văn hóa khu phố.

- Khuyến khích tại các khu công viên, vườn hoa, bố trí các trụ thông minh đa năng (Smart Pole) tích hợp: Wi-Fi công cộng, cổng sạc thiết bị di động, bảng tin điện tử và nút bấm khẩn cấp (SOS).

- Toàn bộ hồ sơ bản vẽ hoàn thành quy hoạch phải được số hóa và thiết lập trên nền tảng GIS theo hệ tọa độ VN-2000 để tích hợp vào cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh Bắc Ninh.

- Khuyến khích chủ đầu tư áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong quá trình thiết kế, thi công và quản lý vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình kiến trúc cấp II trở lên trong khu vực quy hoạch.

h) Xác định các công trình ưu tiên đầu tư xây dựng trong khu quy hoạch.

- Các dự án ưu tiên đầu tư: Đề xuất danh mục, thứ tự các dự án, công trình ưu tiên đầu tư xây dựng để tập trung nguồn lực, thúc đẩy mục tiêu phát triển đô thị, hoàn thành dự án khu đô thị đảm bảo tiến độ đầu tư, phù hợp với chủ trương đầu tư, thời hạn sử dụng đất theo quy định.

i) Dự kiến sơ bộ về tổng mức đầu tư; giải pháp về nguồn vốn và tổ chức thực hiện.

7. Hồ sơ sản phẩm và chi phí lập quy hoạch:

- Hồ sơ sản phẩm quy hoạch chi tiết thực hiện theo Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Chi phí lập quy hoạch thực hiện theo Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.

8. Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị tổ chức lập quy hoạch: Tổng Công ty phát triển đô thị Kinh Bắc - CTCP.

- Cơ quan thẩm định quy hoạch: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Tiến độ thực hiện: Thời gian lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xong trước ngày 31/01/2026.

Điều 2. Tổng công ty phát triển đô thị Kinh Bắc – CTCP căn cứ Nhiệm vụ điều quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định này tổ chức tiến hành lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; UBND phường Võ Cường, UBND phường Vũ Ninh, Tổng công ty phát triển đô thị Kinh Bắc – CTCP và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP.KTN, KTN;
- Lưu: VT, KTN.Minh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Phạm Văn Thịnh